

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**

**HỒ TRÍ  
LƯỢNG**

Digitally signed by HỒ TRÍ LƯỢNG  
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=QUẬN  
BINH THẠNH, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN  
CƠ KHÍ XĂNG DẦU, T=PHÓ GIÁM  
ĐỐC, CN=HỒ TRÍ LƯỢNG,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CCCD:  
045069000036  
Reason: I am the author of this document  
Location: your signing location here  
Date: 2026-03-09 17:08:49  
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.0

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	9 - 33



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Số 446 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301838116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/10/1999, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2020 là: 72.276.620.000 VND (Bằng chữ: Bảy mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã chứng khoán PMS.

Trụ sở chính của Công ty: Số 446 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Bá Tùng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/11/2025)
Ông Đinh Việt Hoàng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01/10/2025)
Ông Đoàn Đắc Học	Thành viên (Phụ trách HĐQT từ ngày 01/10/2025 đến ngày 27/11/2025)
Ông Hồ Trí Lượng	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Kiên	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên

##### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban
Ông Lê Đức Lợi	Thành viên
Ông Võ Thanh Tùng	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc
Ông Hồ Trí Lượng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Kiểm	Phó Giám đốc

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đoàn Đắc Học

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2026

Số: 121/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng Dầu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu được lập ngày 05/3/2026 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2026

**Nguyễn Thị Tiến**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2026-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=100+130+140+150)	<b>100</b>		<b>69.324.874.784</b>	<b>71.672.180.751</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>12.859.421.613</b>	<b>13.124.519.373</b>
1. Tiền	111		12.859.421.613	9.344.519.373
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.780.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>33.596.797.381</b>	<b>45.971.932.587</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	30.231.822.041	25.566.777.582
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	880.489.683	5.424.043.991
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.484.485.657	14.981.111.014
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>22.776.933.504</b>	<b>12.029.528.473</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.5	22.776.933.504	12.029.528.473
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>91.722.286</b>	<b>546.200.318</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	91.722.286	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	353.216.133
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	-	192.984.185
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>119.672.628.777</b>	<b>125.028.938.320</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>265.000.000</b>	<b>565.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	265.000.000	565.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.814.359.592</b>	<b>17.382.002.059</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	11.648.408.682	16.169.527.401
- Nguyên giá	222		101.138.657.054	101.138.657.054
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.490.248.372)	(84.969.129.653)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.165.950.910	1.212.474.658
- Nguyên giá	228		2.080.950.110	2.080.950.110
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(914.999.200)	(868.475.452)
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>100.037.210.441</b>	<b>100.037.210.441</b>
1. Đầu tư vào Công ty con	251		89.000.000.000	89.000.000.000
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		11.037.210.441	11.037.210.441
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		355.000.000	355.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(355.000.000)	(355.000.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.556.058.744</b>	<b>7.044.725.820</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	6.556.058.744	7.044.725.820
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>188.997.503.561</b>	<b>196.701.119.071</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>45.357.894.473</b>	<b>53.327.690.290</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>42.156.524.473</b>	<b>50.606.044.290</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	14.597.957.080	20.634.676.536
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	5.709.151.998	769.632.779
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	619.785.694	67.257.096
4. Phải trả người lao động	314		3.054.077.730	3.148.859.981
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	2.082.220.004	441.431.119
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	15.642.945.399	13.301.450.211
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	-	11.600.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		450.386.568	642.736.568
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.201.370.000</b>	<b>2.721.646.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	1.416.000.000	1.291.000.000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.785.370.000	1.430.646.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>		<b>143.639.609.088</b>	<b>143.373.428.781</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>143.639.609.088</b>	<b>143.373.428.781</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		72.276.620.000	72.276.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		72.276.620.000	72.276.620.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.425.165.374	25.425.165.374
4. Cổ phiếu quỹ	415		(343.472.600)	(343.472.600)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		40.673.334.997	40.673.334.997
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.607.961.317	5.341.781.010
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.607.961.317	5.341.781.010
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>188.997.503.561</b>	<b>196.701.119.071</b>

Người lập

*Đỗ Thị Hồng Hạnh*

Đỗ Thị Hồng Hạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2026  
Kế toán trưởng

*Trần Văn Phúc*

Trần Văn Phúc



Đoàn Đắc Học

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	728.245.683.796	773.480.634.508
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		728.245.683.796	773.480.634.508
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	693.968.747.381	747.840.977.764
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		34.276.936.415	25.639.656.744
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	24.692.296.787	39.372.123.745
7. Chi phí tài chính	22	6.4	392.498.491	913.566.272
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		153.150.685	879.031.153
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	19.762.447.706	15.155.501.835
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	12.593.287.289	14.579.800.851
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		26.220.999.716	34.362.911.531
11. Thu nhập khác	31	6.6	68.025.561	270.002
12. Chi phí khác	32	6.6	769.470.163	322.330.856
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(701.444.602)	(322.060.854)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		25.519.555.114	34.040.850.677
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	516.686.623	338.172.715
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		25.002.868.491	33.702.677.962

Người lập



Đỗ Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Trần Văn Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Giám đốc



Đoàn Đắc Học

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.519.555.114	34.040.850.677
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		4.567.642.467	6.103.507.989
- Các khoản dự phòng	03		380.000.000	(19.354.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(449.109)	(166.330.923)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.688.421.003)	(39.159.974.823)
- Chi phí lãi vay	06		153.150.685	879.031.153
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.931.478.154	1.677.730.073
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.221.335.524	59.083.317.091
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.747.405.031)	3.563.101.962
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.839.466.479	(64.686.392.241)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		396.944.790	(6.459.065.591)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(153.150.685)	(879.031.153)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(230.003.006)	(734.435.394)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.604.222.184)	(3.121.319.392)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		7.654.444.041	(11.556.094.645)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(3.207.984.826)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.688.421.003	39.159.974.823
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		24.688.421.003	35.951.989.997
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		14.000.000.000	62.058.320.500
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(25.600.000.000)	(74.958.320.500)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.008.411.913)	(23.092.682.137)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		(32.608.411.913)	(35.992.682.137)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	50		(265.546.869)	(11.596.786.785)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		13.124.519.373	24.720.332.962
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61		449.109	973.196
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	70	5.1	12.859.421.613	13.124.519.373

Người lập



Đỗ Thị Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Trần Văn Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2026



Đoàn Đắc Học

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301838116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/10/1999, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2020 là: 72.276.620.000 VND (Bằng chữ: *Bảy mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) với mã chứng khoán PMS.

Trụ sở chính của Công ty: Số 446 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/12/2025 là 51 người (Số lao động tại ngày 31/12/2024 là 59 người).

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới sửa chữa bồn bể;
- Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh. Kinh doanh vật tư, thiết bị xăng dầu. Kinh doanh cơ khí bao bì. Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh;
- Cài tạo xe chuyên dùng. Sửa chữa xe bồn các loại. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Đóng mới, sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác;
- Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải;
- Mua bán xăng dầu. Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Thi công lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, hệ thống phòng cháy, chữa cháy;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, trung tâm thương mại;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh xăng dầu, vật tư xăng dầu.

#### 1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con</b>					
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng Dầu Đồng Nai	Lô 108-109-110, KCN Dệt May Nhơn Trạch, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới sửa chữa bồn bể...	100%	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Kho B, Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, xã Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, thiết bị công nghiệp ngành gas, xăng, dầu, ...	49%	49%	49%

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các đơn vị trực thuộc hoạt động kinh doanh xăng dầu như sau:

Đơn vị	Địa chỉ
<b>Hạch toán độc lập</b>	
Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Tân Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng Dầu	Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh
<b>Hạch toán phụ thuộc</b>	
Cửa hàng xăng dầu 982 (*)	982 Trường Sơn, phường Linh Xuân, thành phố Hồ Chí Minh

(\*) Quyết định số 45/PMS-QĐ-HĐQT ngày 25/4/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty thống nhất ngừng hoạt động kinh doanh chi nhánh và làm thủ tục chấm dứt hoạt động.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết*

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát mà được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào Công ty liên kết: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

*Các khoản đầu tư khác:* Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

##### *Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính đối với hàng hóa xe bồn theo phương pháp thực tế đích danh, đối với hàng hóa xăng dầu và các loại vật tư khác theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được ghi giảm và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Quyền sử dụng đất là Lô đất có diện tích 3.000,5 m<sup>2</sup> tại Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn sử dụng đến 05/10/2055.

**Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

**Công ty là bên nhận góp vốn**

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản nhận góp vốn theo hợp đồng BCC được ghi nhận như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính năm.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: Ghi nhận doanh thu nhiều kỳ đến khi hết thời hạn hợp tác kinh doanh theo quy định tại hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

Chi phí tiền thuê đất được ghi nhận vào chi phí trả trước và phân bổ trong thời gian bằng với thời gian thuê.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Trích trước chi phí xây dựng theo các biên bản nghiệm thu khối lượng.
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là Khoản chi phí bảo hành thi công nhận diện thương hiệu.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi Đại hội đồng cổ đông quyết định và theo Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và được Đại hội cổ đông phê duyệt.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hợp đồng xây dựng.

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

#### **Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của công trình xây dựng, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	162.174.637	231.649.161
Tiền gửi ngân hàng	12.697.246.976	9.112.870.212
Các khoản tương đương tiền	-	3.780.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	3.780.000.000
<b>Tổng</b>	<b>12.859.421.613</b>	<b>13.124.519.373</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.2 Phải thu khách hàng**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>30.231.822.041</b>	<b>25.566.777.582</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	1.471.080.000	2.871.100.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Nai	6.667.177.287	805.680.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Gia Lai	5.679.788.455	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Khánh Hòa	5.635.590.737	-
Công ty Xăng dầu Sông Bé - TNHH Một thành viên	-	6.200.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Phước Nguyễn	954.100.285	6.377.593.286
Phải thu khách hàng khác	9.824.085.277	9.312.404.296
<b>Tổng</b>	<b>30.231.822.041</b>	<b>25.566.777.582</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>23.125.010.728</i>	<i>10.028.542.100</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

**5.3 Trả trước người bán**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>880.489.683</b>	<b>5.424.043.991</b>
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Công nghệ Phong Phú	472.823.520	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật MEGA	240.682.901	5.323.328.011
Trả trước người bán khác	166.983.262	100.715.980
<b>Tổng</b>	<b>880.489.683</b>	<b>5.424.043.991</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.4 Phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	2.484.485.657	-	14.981.111.014	-
Tạm ứng	30.059.950	-	249.986.250	-
Ký cược, ký quỹ	69.683.432	-	1.475.878.012	-
Phải thu khác	2.384.742.275	-	13.255.246.752	-
<i>Phải thu về thuế TNCN</i>	<i>569.859.423</i>		<i>626.120.696</i>	
<i>Công ty TNHH MTV Cơ khí</i> <i>Xăng dầu Đồng Nai</i>	-	-	<i>11.560.227.168</i>	-
<i>Phải thu giao khoán các cửa</i> <i>hàng xăng dầu</i>	<i>408.507.789</i>	-	<i>192.051.657</i>	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>1.406.375.063</i>		<i>876.847.231</i>	
Dài hạn	265.000.000	-	565.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	265.000.000	-	565.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>2.749.485.657</b>	<b>-</b>	<b>15.546.111.014</b>	<b>-</b>

Trong đó:

Phải thu các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

11.560.227.168

**5.5 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.569.176.633	-	7.219.718.602	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.150.257.399	-	5.458.567	-
Hàng hóa	4.057.499.472	-	4.804.351.304	-
<b>Tổng</b>	<b>22.776.933.504</b>	<b>-</b>	<b>12.029.528.473</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 0 VND (tại ngày 01/01/2025 là 12.024.069.906 VND).

**5.6 Chi phí trả trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	91.722.286	-
Chi phí trả trước khác	91.722.286	-
Dài hạn	6.556.058.744	7.044.725.820
Chi phí thuê đất (*)	6.529.885.052	6.847.126.436
Chi phí trả trước khác	26.173.692	197.599.384
<b>Tổng</b>	<b>6.647.781.030</b>	<b>7.044.725.820</b>

(\*) Giá trị chuyển nhượng quyền thuê đất là trạm kinh doanh xăng dầu tại Quốc lộ 1A, phường Long An, tỉnh Tây Ninh được phân bổ theo thời hạn đến ngày 10/8/2046.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU**

Số 446 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

## 5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2025	15.740.494.056	75.003.660.513	10.223.342.031	171.160.454	101.138.657.054
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	15.740.494.056	75.003.660.513	10.223.342.031	171.160.454	101.138.657.054
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2025	11.463.967.393	65.309.118.145	8.049.787.059	146.257.056	84.969.129.653
Tăng trong năm	1.031.307.951	2.823.175.428	655.567.152	11.068.188	4.521.118.719
Khấu hao trong năm	1.031.307.951	2.823.175.428	655.567.152	11.068.188	4.521.118.719
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	12.495.275.344	68.132.293.573	8.705.354.211	157.325.244	89.490.248.372
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2025	4.276.526.663	9.694.542.368	2.173.554.972	24.903.398	16.169.527.401
Tại 31/12/2025	3.245.218.712	6.871.366.940	1.517.987.820	13.835.210	11.648.408.682

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 61.090.535.428 VND (tại ngày 01/01/2025 là 58.915.421.275 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Quyền sử dụng đất (*)</u>	<u>Phần mềm tín học</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2025	1.860.950.110	220.000.000	2.080.950.110
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>1.860.950.110</u>	<u>220.000.000</u>	<u>2.080.950.110</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2025	648.475.452	220.000.000	868.475.452
Tăng trong năm	46.523.748	-	46.523.748
Khấu hao trong năm	46.523.748	-	46.523.748
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>694.999.200</u>	<u>220.000.000</u>	<u>914.999.200</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2025	<u>1.212.474.658</u>	-	<u>1.212.474.658</u>
Tại 31/12/2025	<u>1.165.950.910</u>	-	<u>1.165.950.910</u>

(\*) Quyền sử dụng đất là Lô đất có diện tích 3.000,5 m<sup>2</sup> tại Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, có thời hạn sử dụng đến 05/10/2055.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 220.000.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 220.000.000 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU**

Số 446 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		31/12/2025			01/01/2025		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			89.000.000.000		-	89.000.000.000		-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	100,00%	100,00%	89.000.000.000	(*)	-	89.000.000.000	(*)	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			11.037.210.441		-	11.037.210.441		-
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	49,00%	49,00%	11.037.210.441	(*)	-	11.037.210.441	(*)	-
Đầu tư dài hạn khác			355.000.000		(355.000.000)	355.000.000		(355.000.000)
Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi (5000 Cổ phiếu)	16,16%	16,16%	355.000.000	(*)	(355.000.000)	355.000.000	(*)	(355.000.000)
<b>Tổng</b>			<b>100.392.210.441</b>	<b>(*)</b>	<b>(355.000.000)</b>	<b>100.392.210.441</b>	<b>(*)</b>	<b>(355.000.000)</b>

(\*) Tại ngày lập Báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.10 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.597.957.080</b>	<b>14.597.957.080</b>	<b>20.634.676.536</b>	<b>20.634.676.536</b>
Công ty TNHH TM DV Cơ khí Xây dựng Nam Phương	100.044.406	100.044.406	766.915.495	766.915.495
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất Quảng Cáo Phương Nam	2.279.982.064	2.279.982.064	2.947.434.372	2.947.434.372
GRISWORLD PUMP COMPANY	1.572.669.942	1.572.669.942	-	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	8.550.508.299	8.550.508.299	13.722.423.459	13.722.423.459
Phải trả người bán khác	2.094.752.369	2.094.752.369	3.197.903.210	3.197.903.210
<b>Tổng</b>	<b>14.597.957.080</b>	<b>14.597.957.080</b>	<b>20.634.676.536</b>	<b>20.634.676.536</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>8.550.508.299</i>	<i>8.550.508.299</i>	<i>13.722.423.459</i>	<i>13.722.423.459</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

**5.11 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>5.709.151.998</b>	<b>769.632.779</b>
CN Petrolimex Ninh Thuận - Cty TNHH MTV Petrolimex	5.064.310.919	-
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Minh Trung	881.000	49.281.000
Công ty TNHH Sản xuất Sơn Việt	154.520.303	154.520.303
Công ty TNHH Nanpao Resins Việt Nam	191.992.600	191.992.600
Người mua trả tiền trước khác	297.447.176	373.838.876
<b>Tổng</b>	<b>5.709.151.998</b>	<b>769.632.779</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i>	<i>5.095.810.919</i>	<i>31.500.000</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
<b>Phải nộp</b>	<b>67.257.096</b>	<b>14.989.275.526</b>	<b>14.436.746.928</b>	<b>619.785.694</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	3.528.948.233	3.219.310.403	309.637.830
<i>Phát sinh trong kỳ</i>				
<i>Điều chỉnh thuế theo tra soát</i>				
Thuế xuất, nhập khẩu	-	26.655.388	26.655.388	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	323.702.438	230.003.006	93.699.432
<i>Phát sinh trong năm</i>	-	<i>129.602.665</i>	<i>35.903.233</i>	<i>93.699.432</i>
<i>Truy thu, nộp bổ sung thuế các năm</i>		<i>194.099.773</i>	<i>194.099.773</i>	-
Thuế thu nhập cá nhân	67.257.096	888.116.908	738.925.572	216.448.432
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	9.764.162.318	9.764.162.318	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	457.690.241	457.690.241	-
<b>Phải thu</b>	<b>192.984.185</b>	<b>192.984.185</b>	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	192.984.185	192.984.185	-	-

**5.13 Chi phí phải trả**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.082.220.004</b>	<b>441.431.119</b>
Trích trước giá vốn các công trình xây dựng, thi công	2.046.700.000	332.991.824
Chi phí trích trước khác	35.520.004	108.439.295
<b>Tổng</b>	<b>2.082.220.004</b>	<b>441.431.119</b>

**5.14 Phải trả khác**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.642.945.399</b>	<b>13.301.450.211</b>
Kinh phí công đoàn	61.430.300	59.772.320
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.427.866.476	7.830.962.389
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.153.648.623	5.410.715.502
<i>Phải trả Công ty CP Công trình Giao thông 610 lợi nhuận hợp tác kinh doanh</i>	-	<i>510.000.000</i>
<i>Phải trả các đội thi công</i>	<i>4.566.619.599</i>	<i>2.936.155.583</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>2.587.029.024</i>	<i>1.964.559.919</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>1.416.000.000</b>	<b>1.291.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	1.416.000.000	1.291.000.000
<b>Tổng</b>	<b>17.058.945.399</b>	<b>14.592.450.211</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU  
Số 446 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung,  
Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	14.000.000.000	25.600.000.000	11.600.000.000	11.600.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 - TP.Hồ Chí Minh	-	-	14.000.000.000	25.600.000.000	11.600.000.000	11.600.000.000
<b>Tổng</b>	-	-	<b>14.000.000.000</b>	<b>25.600.000.000</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>11.600.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU**

Số 446 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	40.673.334.997	7.639.640	138.039.287.411
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	33.702.677.962	33.702.677.962
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023	-	-	-	-	(2.522.800.392)	(2.522.800.392)
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	-	(24.125.936.200)	(24.125.936.200)
Trích bổ sung thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	(325.800.000)	(325.800.000)
Tạm trích thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2024 (*)	-	-	-	-	(238.500.000)	(238.500.000)
Chi khen thưởng HĐQT, BKS, BDH và Cán bộ quản lý	-	-	-	-	(395.500.000)	(395.500.000)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh (*)	-	-	-	-	(760.000.000)	(760.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>25.425.165.374</b>	<b>(343.472.600)</b>	<b>40.673.334.997</b>	<b>5.341.781.010</b>	<b>143.373.428.781</b>
Số dư tại 01/01/2025	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	40.673.334.997	5.341.781.010	143.373.428.781
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	25.002.868.491	25.002.868.491
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 (*)	-	-	-	-	(1.468.672.184)	(1.468.672.184)
Chia cổ tức năm 2024 (*)	-	-	-	-	(21.605.316.000)	(21.605.316.000)
Trích bổ sung thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2024 (*)	-	-	-	-	(481.500.000)	(481.500.000)
Tạm trích thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2025 (**)	-	-	-	-	(238.000.000)	(238.000.000)
Chi khen thưởng HĐQT, BKS, BDH và Cán bộ quản lý (*)	-	-	-	-	(943.200.000)	(943.200.000)
<b>Số dư tại 31/12/2025</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>25.425.165.374</b>	<b>(343.472.600)</b>	<b>40.673.334.997</b>	<b>5.607.961.317</b>	<b>143.639.609.638</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2025 số 44/PMS-NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/04/2025 đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2024, theo đó thông qua việc chi trả cổ tức số tiền 21.605.316.000 VND; trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 1.468.672.184 VND; trích thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành số tiền 720.000.000 VND; Chi thường HĐQT, BKS, BDH và Cán bộ quản lý số tiền 943.200.000 VND.

(\*\*) Các khoản tạm trích thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2025 được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2025 số 44/PMS-NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/04/2025.

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	33.248.770.000	33.248.770.000
Bà Trần Thị Hiền	8.155.600.000	8.155.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	30.613.350.000	30.613.350.000
Cổ phiếu quỹ	258.900.000	258.900.000
<b>Tổng</b>	<b>72.276.620.000</b>	<b>72.276.620.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	72.276.620.000	72.276.620.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	72.276.620.000	72.276.620.000
<b>Chia cổ tức</b>	<b>21.605.316.000</b>	<b>24.125.936.200</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.227.662	7.227.662
Cổ phiếu phổ thông	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu được mua lại	25.890	25.890
Cổ phiếu phổ thông	25.890	25.890
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.201.772	7.201.772
Cổ phiếu phổ thông	7.201.772	7.201.772
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng**

**a. Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	3.100.110.177	3.100.110.177

**b. Ngoại tệ**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	5.161,41	136.142.511	5.194,46	132.216.459
<b>Tổng</b>	<b>5.161,41</b>	<b>136.142.511</b>	<b>5.194,46</b>	<b>132.216.459</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	663.073.078.320	700.115.061.931
Doanh thu thi công nhận diện thương hiệu	9.755.160.531	34.832.482.399
Doanh thu hoạt động xây lắp	-	26.633.090.178
Doanh thu kinh doanh vật tư, thiết bị	39.832.744.936	-
Doanh thu cho thuê tài sản	15.584.700.009	11.900.000.000
<b>Tổng</b>	<b>728.245.683.796</b>	<b>773.480.634.508</b>

*Trong đó:*

*Doanh thu với các bên liên quan:*

*(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*

58.199.822.637	56.235.128.163
----------------	----------------

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	645.107.133.446	697.555.723.598
Giá vốn thi công nhận diện thương hiệu	9.231.479.124	19.579.702.654
Giá vốn hợp đồng xây lắp	-	25.296.246.131
Giá vốn kinh doanh vật tư, thiết bị	31.729.498.971	-
Giá vốn cho thuê tài sản	7.900.635.840	5.409.305.381
<b>Tổng</b>	<b>693.968.747.381</b>	<b>747.840.977.764</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	35.264.561	49.610.179
Lãi bán hàng trả chậm	36.365.080	187.663.201
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.616.791.362	38.922.701.443
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	449.109	166.330.923
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.426.675	45.817.999
<b>Tổng</b>	<b>24.692.296.787</b>	<b>39.372.123.745</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu tài chính với các bên liên quan:</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>24.616.791.362</i>	<i>38.922.701.443</i>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	153.150.685	879.031.153
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	239.347.806	34.535.119
<b>Tổng</b>	<b>392.498.491</b>	<b>913.566.272</b>

**6.5 Chi phí bán hàng/Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng	19.762.447.706	15.155.501.835
Chi phí nhân viên	3.850.293.558	3.742.480.709
Chi phí vật liệu, bao bì	387.135.500	-
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	87.708.087	36.150.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.117.555.380	923.434.432
Chi phí dự phòng bảo hành	380.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.162.478.009	5.782.198.624
Chi phí bằng tiền khác	6.777.277.172	4.671.238.070
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>12.593.287.289</b>	<b>14.579.800.851</b>
Chi phí nhân viên quản lý	7.210.022.648	9.210.452.404
Chi phí đồ dùng văn phòng	303.177.593	121.274.476
Chi phí khấu hao TSCĐ	792.722.811	823.710.208
Thuế phí và lệ phí	5.000.000	32.513.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	670.911.247	976.851.705
Chi phí bằng tiền khác	3.611.452.990	3.414.998.270
<b>Tổng</b>	<b>32.355.734.995</b>	<b>29.735.302.686</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Hoàn trả lợi nhuận hợp tác kinh doanh	68.000.000	-
Thu nhập khác	25.561	270.002
<b>Tổng</b>	<b>68.025.561</b>	<b>270.002</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Phạt vi phạm hành chính về thuế	447.640.241	322.321.858
Phạt vi phạm hợp đồng	306.848.860	-
Chi phí khác	14.981.062	8.998
<b>Tổng</b>	<b>769.470.163</b>	<b>322.330.856</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(701.444.602)</b>	<b>(322.060.854)</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN</b>	<b>25.519.555.114</b>	<b>34.040.850.677</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	778.170.499	532.852.116
<i>Chi phí không được trừ (Chi phí phạt thuế, chi phí khấu hao vượt định mức)</i>	658.170.499	532.852.116
<i>Lợi nhuận hợp tác kinh doanh</i>	120.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	24.684.791.362	38.922.701.443
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	24.616.791.362	38.922.701.443
<i>Lợi nhuận hợp tác kinh doanh hoàn trả năm trước</i>	68.000.000	-
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>1.612.934.251</b>	<b>(4.348.998.650)</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	322.586.850	-
Truy thu, nộp bổ sung thuế các năm trước	194.099.773	338.172.715
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>516.686.623</b>	<b>338.172.715</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.185.749.941	23.403.505.732
Chi phí nhân công	11.060.316.206	12.952.933.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.567.642.467	6.103.507.989
Chi phí dự phòng	380.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.771.217.801	21.966.939.853
Chi phí khác bằng tiền	15.397.221.347	10.448.715.953
<b>Tổng</b>	<b>85.362.147.762</b>	<b>74.875.602.640</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Công ty có các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Công ty liên kết
Các Công ty con, Công ty liên kết trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý khác**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2025 VND</u>	<u>Năm 2024 VND</u>
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý	Lương và thù lao	3.348.987.000	3.341.453.000

N:  
CÔ  
T M  
IÊM  
AV  
HÀ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		<b>1.069.100.000</b>	<b>913.900.000</b>
Ông Nguyễn Bá Tùng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/11/2025)	7.000.000	-
Ông Đinh Việt Hoàng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01/10/2025)	293.900.000	100.600.000
Ông Ngô Minh Tú	Chủ tịch (Từ ngày 01/4/2023 đến 01/10/2023)	-	93.100.000
Ông Nguyễn Quang Kiên	Thành viên	240.800.000	195.800.000
Ông Đoàn Đắc Học	Thành viên	175.800.000	188.800.000
Ông Hồ Trí Lượng	Thành viên	175.800.000	167.800.000
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên	175.800.000	167.800.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>634.800.000</b>	<b>509.800.000</b>
Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban	240.800.000	195.800.000
Ông Lê Đức Lợi	Thành viên	197.000.000	157.000.000
Ông Võ Thanh Tùng	Thành viên	197.000.000	157.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>		<b>1.307.451.000</b>	<b>1.580.207.000</b>
Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc	501.116.000	456.825.000
Ông Hồ Trí Lượng	Phó Giám đốc	405.280.000	390.304.000
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Giám đốc	401.055.000	386.164.000
Ông Nguyễn Hồng Kiếm	Phó Giám đốc	-	346.914.000
<b>Những người quản lý khác</b>		<b>337.636.000</b>	<b>337.546.000</b>
Ông Trần Văn Phúc	Kế toán trưởng	337.636.000	337.546.000
<b>Tổng</b>		<b>3.348.987.000</b>	<b>3.341.453.000</b>

**b. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			<b>23.125.010.728</b>	<b>10.028.542.100</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Bán hàng hóa	1.471.080.000	2.871.100.000
Các Công ty con, Công ty liên kết trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	21.653.930.728	7.157.442.100
<b>Phải thu khác</b>			<b>-</b>	<b>11.560.227.168</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	11.560.227.168

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các khoản phải trả	Mối quan hệ	Tính chất	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			<b>8.550.508.299</b>	<b>13.722.423.459</b>
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	Cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	8.550.508.299	13.722.423.459
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>			<b>5.095.810.919</b>	<b>31.500.000</b>
Chi nhánh Petrolimex Ninh Thuận - Công ty TNHH MTV Petrolimex	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	5.064.310.919	-
CTCP Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	Công ty liên kết của Tập đoàn Xăng dầu	Bán hàng hóa	31.500.000	31.500.000

**c. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Bán hàng</b>			<b>58.199.822.637</b>	<b>56.235.128.163</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Cho thuê tài sản	11.900.000.000	11.900.000.000
		Bán hàng hóa	391.451.161	-
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Bán hàng hóa	6.988.582.818	11.418.084.781
Các Công ty con trực tiếp và Công ty con gián tiếp của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	38.919.788.658	32.917.043.382
<b>Mua hàng</b>			<b>482.627.519.500</b>	<b>500.689.269.727</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Mua hàng hóa	4.216.820.000	1.864.272.727
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	Cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	477.986.989.000	498.824.997.000
CN Miền Nam - Công ty CP Tin học Viễn thông Petrol	Cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	423.710.500	-
<b>Lợi nhuận được chia</b>			<b>24.616.791.362</b>	<b>38.922.701.443</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Lợi nhuận được chia	17.669.647.183	33.608.582.438
Công ty TNHH Cơ khí GAS P.M.G	Công ty liên kết	Lợi nhuận được chia	6.947.144.179	5.314.119.005
<b>Các giao dịch khác</b>			<b>13.345.486.334</b>	<b>13.324.727.560</b>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Chia quỹ khen thưởng phúc lợi	1.470.672.184	1.764.500.392
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	11.874.814.150	11.560.227.168

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Các cam kết**

*Cam kết liên quan đến hợp đồng thuê hoạt động mà Công ty là bên đi thuê*

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu thuê hoạt động lô đất tại số 446 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 8.030,8 m<sup>2</sup> sử dụng làm văn phòng làm việc và xưởng sản xuất. Thời hạn thuê đất ngắn hạn hàng năm cho đến khi nhà nước thực hiện quy hoạch và được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất; số tiền thuê phải trả năm 2025 là 6.818.149.200 VND.

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Đỗ Thị Hồng Hạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2026  
Kế toán trưởng

Trần Văn Phúc



Đoàn Đắc Học

